

ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ INVESTMENT INCENTIVES

I. HÌNH THỨC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

1. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất.

4. Khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế.

II. ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI

1. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Huyện Châu Thành, huyện Trà Cú, Khu kinh tế Định An (đối với các đơn vị hành chính của huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải trong Khu kinh tế Định An).

2. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Huyện Cầu Ngang, huyện Cầu Kè, huyện Tiểu Cần, huyện Càng Long, thành phố Trà Vinh, huyện Duyên Hải (đối với các đơn vị hành chính ngoài Khu kinh tế Định An), thị xã Duyên Hải (đối với các đơn vị hành chính ngoài Khu kinh tế Định An).

I. FORM OF INVESTMENT INCENTIVES

1. Corporate income tax incentives, including the application of a lower corporate income tax rate than the normal tax rate for a definite term or for the entire duration of the investment project; tax exemption, tax reduction and other incentives in accordance with the law on corporate income tax.

2. Import tax exemption for goods imported to create fixed assets; raw materials, supplies and components imported for production in accordance with the law on import - export tax.

3. Exemption or reduction of land use levy, land rent, and land use tax.

4. Fast depreciation, increasing the deductible expenses when calculating taxable income.

II. INCENTIVE AREAS

1. Areas with extremely difficult socio-economic conditions: Chau Thanh district, Tra Cu district, Dinh An Economic Zone (for administrative units of Duyen Hai district and Duyen Hai town in Dinh An Economic Zone).

2. Areas with difficult socio-economic conditions: Cau Ngang district, Cau Ke district, Tieu Can district, Cang Long district, Tra Vinh city, Duyen Hai district (for administrative units outside Dinh An Economic Zone), Duyen Hai town (for administrative units outside Dinh An Economic Zone).

III. NGÀNH NGHỀ ƯU ĐÃI

1. Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (Theo Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021).

2. Ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư (Theo Phụ lục II Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021).

IV. LĨNH VỰC ƯU TIÊN KÊU GỌI ĐẦU TƯ

(1) Nhà máy chế biến thủy hải sản; Nhà máy chế biến nông sản;

(2) Phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch biển gắn với đầu tư xây dựng hệ thống cáp treo để kết nối các điểm nhấn du lịch;

(3) Phát triển các khu đô thị;

(4) Kêu gọi đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp và các dự án trong Khu kinh tế Định An như: Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu Đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp Ngũ Lạc; khu kho ngoại quan (logistics); khu phi thuế quan; xây dựng cảng và dịch vụ cảng Long Toàn và cảng nước sâu...

V. CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

1. **Ưu đãi về thuế:** Theo quy định tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 (áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp khi thực hiện dự án đầu tư mới).

III. INCENTIVE SECTORS

1. List of sectors with restricted market access for foreign investors (According to Appendix I of Decree No. 31/2021/ND-CP dated March 26, 2021).

2. List of sectors entitled to special investment incentives and investment incentives (According to Appendix II of Decree No. 31/2021/ND-CP dated March 26, 2021).

IV. PRIORITY AREAS CALLED FOR INVESTMENT

(1) Seafood processing factory; Agricultural product processing factory;

(2) Development of eco-tourism, community-based tourism, spiritual tourism and sea tourism in association with investment in building a cable car system to connect tourist attractions;

(3) Development of urban areas;

(4) Calling for investment in technical infrastructure of the Industrial Parks, Industrial Clusters and projects in Dinh An Economic Zone such as: Technical infrastructure project of Ngu Lac Urban - Service - Industrial Area; bonded warehouse (logistics); non-tariff zones; construction of ports and services of Long Toan port and deep-water port, etc.

V. INVESTMENT INCENTIVE POLICIES

1. **Tax incentives:** According to the provisions of Decree No. 218/2013/ND-CP dated December 26, 2013 (applicable to income of enterprises when implementing new investment projects).

a) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Corporate income tax rate

Phạm vi và đối tượng áp dụng <i>Scope and subjects of application</i>	Thời hạn ưu đãi (năm) <i>Incentive period (year)</i>	Mức thuế suất <i>Tax rate</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa. - Thu nhập của doanh nghiệp từ trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng nông, lâm, thủy sản ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch,... - Investment projects in the field of socialization. - Income of enterprises from planting, caring and protecting forests; cultivating agriculture, forestry and fishery in difficult socio-economic areas; producing, propagating and creating new plant and animal varieties by crossing-breeding; and investing in post-harvest preservation of agricultural products, etc. 	Suốt vòng đời dự án (không quá 50 năm). During the project lifecycle (no more than 50 years).	10%
<ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư tại địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú, Khu kinh tế. - Dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, sản xuất sản phẩm phần mềm,... - Investment projects in Chau Thanh and Tra Cu districts, Economic Zones. - Projects in the fields of high technology, scientific research and technology development, water plants, power plants, water supply and drainage systems, bridges, roads, railways, airports, and production of software products, etc. 	15	10%
<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập của doanh nghiệp khi thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn các huyện: Cầu Ngang, Tiểu Cần, Duyên Hải, Càng Long, Cầu Kè, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh. - Dự án sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống,... - Income of enterprises when implementing new investment projects in the following districts: Cau Ngang, Tieu Can, Duyen Hai, Cang Long, Cau Ke, Duyen Hai town and Tra Vinh city. - Projects on production and refining of animal, poultry and aquatic feed; and development of traditional trades and occupations. 	10	17%
	Hết thời hạn ưu đãi <i>Expiry of incentive</i>	20%

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

b) Corporate income tax

Phạm vi và đối tượng áp dụng <i>Scope and subjects of application</i>	Miễn thuế (năm) <i>Tax exemption (year)</i>	Giảm Reduction	
		Mức giảm Rate	Thời hạn (năm) Period (year)
<ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư tại địa bàn huyện: Châu Thành, Trà Cú, Khu kinh tế ... - Dự án thuộc lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tại các huyện: Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Tiểu Cần, Duyên Hải, Càng Long, Cầu Kè, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh. - Investment projects in the following districts: Chau Thanh, Tra Cu, Economic Zone, etc. - Projects in the field of socialization implemented in the following districts: Chau Thanh, Tra Cu, Cau Ngang, Tieu Can, Duyen Hai, Cang Long, Cau Ke, Duyen Hai town and Tra Vinh city. 	04	50%	09
<ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư tại các huyện: Cầu Ngang, Tiểu Cần, Duyên Hải, Càng Long, Cầu Kè, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh. - Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống,... - Investment projects in districts: Cau Ngang, Tieu Can, Duyen Hai, Cang Long, Cau Ke, Duyen Hai town and Tra Vinh city. - Projects on production and refining of animal, poultry and aquatic feed; and development of traditional trades and occupations. 	02	50%	04

c) Ưu đãi thuế xuất nhập khẩu: Theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) Import-export tax incentives: According to the provisions of Articles 14 and 15 of Decree No. 134/2016 /ND-CP dated September 1, 2016 by the Government detailing a number of articles and measures to implement the Law on Import and Export Tax.

- Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án.

- Exemption from import tax for imported goods to create fixed assets of the project.

- Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án.

- Exemption from import tax for a period of 5 years from the date of commencement of production for raw materials, supplies and components that cannot be domestically produced but imported for the project's production.

2. Ưu đãi về đất:

- Theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Theo quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao (đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế).

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản:

Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước.

b) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian xây dựng cơ bản:

2. Land incentives:

- According to the provisions of Decree No. 46/2014/ND-CP dated May 15, 2014 by the Government.

- According to the provisions of Decree No. 35/2017/ND-CP dated April 3, 2017 by the Government stipulating the collection of land use levy, land rent, and water surface rent in Economic Zones and Hi-tech Zones (for investment projects in the Economic Zone).

a) Exemption from land rent during capital construction:

Land rent and water surface rent shall be exempted during the period of capital construction for projects approved by competent authorities, but not exceeding 03 years from the date of issuance of a decision on land or water surface lease.

b) Exemption from land rent and water surface rent after the capital construction period:

Phạm vi và đối tượng áp dụng Scope and subjects of application	Tiền thuê đất Land rent
<ul style="list-style-type: none"> - Dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa sử dụng đất tại nông thôn. - Dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư. - Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Châu Thành, Trà Cú. - Dự án sử dụng đất xây dựng nhà ở cho công nhân của các Khu công nghiệp. - Đất thực hiện dự án trồng rừng phòng hộ, trồng rừng lấn biển. - Projects in the field of socialization of land use in rural areas. - Projects in the agriculture sector entitled to special investment incentives. - Projects in the fields entitled to special investment incentives implemented in Chau Thanh and Tra Cu districts. - Projects on using land to build houses for workers of Industrial Zones. - Land for implementation of projects on afforestation for protection and prevention of sea encroachment. 	<p>Miễn (theo vòng đời dự án). Exempted (according to project lifecycle).</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú. - Projects in the field of socialization of land use in urban areas in Chau Thanh and Tra Cu districts. 	<p>Miễn (theo vòng đời dự án, không quá 70 năm). Exempted (according to project lifecycle, not more than 70 years).</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn huyện: Cầu Ngang, Tiểu Cần, Duyên Hải, Càng Long, Cầu Kè, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh. - Projects in the field of socialization of land use in urban areas in the following districts: Cau Ngang, Tieu Can, Duyen Hai, Cang Long, Cau Ke, Duyen Hai town and Tra Vinh city. 	<p>Miễn (theo vòng đời dự án, không quá 40 năm). Exempted (according to project lifecycle, not more than 40 years).</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp ưu đãi đầu tư. - Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Châu Thành, Trà Cú. - Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại các huyện: Cầu Ngang, Tiểu Cần, Duyên Hải, Càng Long, Cầu Kè, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh. - Projects in the agriculture sector entitled to investment incentives. - Projects in the fields entitled to special investment incentives implemented in Chau Thanh and Tra Cu Districts. - Projects in the fields entitled to special investment incentives: Cau Ngang, Tieu Can, Duyen Hai, Cang Long, Cau Ke, Duyen Hai town and Tra Vinh city. 	<p>Miễn 15 năm Exempted for 15 years.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp khuyến khích đầu tư. - Dự án đầu tư tại huyện Châu Thành, Trà Cú; dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện tại huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Duyên Hải, Càng Long, Cầu Kè, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh. - Projects in the field of agriculture to encourage investment. - Investment projects in Chau Thanh and Tra Cu districts; projects in the fields entitled to special investment incentives; projects in the fields entitled to investment incentives implemented in the following districts: Cau Ngang, Tieu Can, Duyen Hai, Cang Long, Cau Ke Districts, Duyen Hai Town and Tra Vinh City. 	<p>Miễn 11 năm. Exempted for 11 years.</p>

<p>- Dự án đầu tư tại Cầu Ngang, Tiểu Cần, Duyên Hải, Càng Long, Cầu Kè, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh.</p> <p>- Investment projects in Cau Ngang, Tieu Can, Duyen Hai, Cang Long, Cau Ke, Duyen Hai Town and Tra Vinh City.</p>	<p>Miễn 07 năm. Exempted for 07 years.</p>
<p>- Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.</p> <p>- Cơ sở sản xuất kinh doanh mới của tổ chức kinh tế thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời do ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Projects in the fields entitled to investment incentives.</p> <p>- New production and business establishments of economic organizations which are relocated according to planning or due to environmental pollution.</p>	<p>Miễn 03 năm. Exempted for 03 years.</p>

c) Đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế

- Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản (trừ trường hợp nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong Khu kinh tế):

+ 13 năm đối với dự án không thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải).

+ 15 năm đối với dự án không thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Trà Cú).

c) For investment projects in Economic Zones

- Exemption from land rent during the period of capital construction but not exceeding 03 years from the date of issuance of the decision on land lease of the competent State authority.

- Exemption from land rent after the land rent exemption period of the capital construction period (except for the case that the investor is leased land by the State to invest in the construction and business of infrastructure of functional zones in Economic Zones):

+ 13 years for projects not on the list of sectors entitled to investment incentives that are invested in an Economic Zone located in a district-level area in an area with difficult socio-economic conditions (Duyen Hai district, Duyen Hai town).

+ 15 years for projects not on the list of sectors entitled to investment incentives that are invested in an Economic Zone located in a district-level area in an area with extremely difficult socio-economic conditions (Tra Cu district).

+ 17 năm đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải).

+ 19 năm đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Trà Cú).

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho toàn bộ thời gian thuê (trừ trường hợp nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong Khu kinh tế):

+ Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

+ Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, người lao động trong Khu kinh tế.

- Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong Khu kinh tế được miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản:

+ 15 năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải).

+ Toàn bộ thời gian thuê đối với dự án đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Trà Cú).

+ 17 years for projects on the list of sectors entitled to investment incentives that are invested in an Economic Zone located in a district-level area in an area with difficult socio-economic conditions (Duyen Hai district, Duyen Hai town).

+ 19 years for projects on the list of sectors entitled to investment incentives that are invested in an Economic Zone located in a district-level area in an area with extremely difficult socio-economic conditions (Tra Cu district).

- Exemption from land rent and water surface rent for the entire lease period (except for the case that the investor is leased land by the State to invest in the construction and business of infrastructure of functional zones in Economic Zones):

+ Projects in the fields entitled to special investment incentives.

+ Projects of investment in construction of housing for workers and laborers in Economic Zones.

- Investors who are leased land by the State to invest in the construction and business of infrastructure of functional zones in Economic Zones shall be exempt from land rent after the land rent exemption period of the capital construction period:

+ 15 years for investment projects in district-level areas on the list of areas with difficult socio-economic conditions (Duyen Hai district, Duyen Hai town).

+ The entire lease period for investment projects in a district-level area on the list of areas with extremely difficult socio-economic conditions (Tra Cu district).

3. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh:

Theo quy định tại Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 80/2019 /NQ-HĐND ngày 12/4/2019 và Nghị quyết số 16/2020 /NQ-HĐND ngày 09/12 /2020.

a) Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

Phạm vi và đối tượng áp dụng <i>Scope and subjects of application</i>	Chính sách hỗ trợ <i>Support policies</i>
<p>Nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp.</p> <p>Investors who invest in construction and business of infrastructure of functional zones in Economic Zones and Industrial Parks.</p>	<p>Ngân sách tỉnh hỗ trợ 10% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>The provincial budget supports 10% of the costs of compensation, site clearance, resettlement or construction investment costs of technical infrastructure works.</p>
<p>Nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong Cụm công nghiệp.</p> <p>Investors who invest in the construction and business of infrastructure in Industrial Clusters.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách tỉnh hỗ trợ 20% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật. - Mức hỗ trợ tối đa không vượt so với mức hỗ trợ của Trung ương. - The provincial budget supports 20% of the costs of compensation, site clearance, resettlement or construction investment costs of technical infrastructure works. - The maximum support level does not exceed the central support level.

3. Investment incentives and support policies in Tra Vinh Province:

According to the provisions of Resolution No. 11/2016/NQ-HDND dated December 8, 2016 by the Provincial People's Council on the Promulgation of Regulations on a number of investment incentives and support policies in Tra Vinh Province and amendments and supplements in Resolution No. 80/2019/NQ-HDND dated April 12, 2019 and Resolution No. 16/2020 /NQ-HDND dated December 9, 2020.

a) Support for compensation and site clearance:

b) Hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật:

Phạm vi và đối tượng áp dụng <i>Scope and subjects of application</i>	Chính sách hỗ trợ <i>Support policies</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án đầu tư ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt, quy hoạch phát triển của cấp huyện (<i>huyện, thị xã, thành phố</i>) đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thuộc danh mục lĩnh vực hoặc địa bàn khuyến khích đầu tư. - For investment projects outside Economic Zones, Industrial Zones and Industrial Clusters in accordance with the approved annual land use planning and plans, and development planning of districts (<i>districts, towns, cities</i>) which has been approved by a competent State authority and belongs to the list of sectors or areas entitled to investment incentives. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông (<i>bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng</i>) để xây dựng đường giao thông dẫn đến chân hàng rào của dự án. Các công trình cấp điện, cấp nước,... các đơn vị chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi đầu tư xây dựng để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. - The provincial budget is invested in road construction (<i>including compensation and site clearance costs</i>) to build roads to the fence of the project. Power and water supply works, etc., specialized units create favorable conditions for construction investment to provide services to investors.
<ul style="list-style-type: none"> - Đối với nhà đầu tư, đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp. - For investors investing in infrastructure construction and business projects in Economic Zones, Industrial Zones and Industrial Clusters. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông (<i>bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng</i>), điện trung thế, cấp thoát nước từ điểm đấu nối đến chân hàng rào của dự án để xây dựng các công trình trên. - The provincial budget is invested in road construction (<i>including compensation and site clearance costs</i>), medium-voltage electricity, water supply and drainage from the connection point to the fence of the project to build the above works.

<p>Nhà đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng chợ nông thôn theo quy hoạch, sau khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.</p> <p>Investors who build, renovate, upgrade and expand rural markets according to planning, and put them into use after completing the works.</p>	Vốn đầu tư trên 02 - 04 tỷ đồng Investment capital over 02 - 04 billion VND	Hỗ trợ 200 triệu đồng. Support 200 million VND.
	Vốn đầu tư trên 04 - 07 tỷ đồng Investment capital over 04 - 07 billion VND	Hỗ trợ 300 triệu đồng. Support 300 million VND.
	Vốn đầu tư trên 07 tỷ đồng Investment capital over 07 billion VND	Hỗ trợ 400 triệu đồng. Support 400 million VND.
<p>Trường hợp nhà đầu tư ứng trước kinh phí để tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông.</p> <p>In case the investor makes an advance payment for the province to invest in the construction of roads.</p>	<p>Ngân sách tỉnh hoàn trả trong 03 (ba) năm sau khi công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng và hỗ trợ 100% lãi suất ngân hàng theo hợp đồng vay vốn với ngân hàng thương mại trong nước.</p> <p>The provincial budget will be refunded within 03 (three) years after the work is tested and put into use, and 100% of the bank interest rate is supported under the loan contract with a domestic commercial bank.</p>	
<p>Trường hợp nhà đầu tư ứng trước kinh phí bằng vốn kinh doanh của doanh nghiệp hoặc vay vốn của ngân hàng nước ngoài.</p> <p>In case the investor makes an advance with the business capital of the enterprise or borrows capital from a foreign bank.</p>	<p>Lãi suất hỗ trợ tính theo lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Trà Vinh.</p> <p>The supporting interest rate is calculated according to the interest rate of Bank for Investment and Development of Vietnam, Tra Vinh branch.</p>	

c) Hỗ trợ đầu tư sản xuất, kinh doanh trong Cụm công nghiệp có trong quy hoạch được duyệt nhưng chưa được đầu tư hạ tầng:

c) Support for production and business investment in Industrial Clusters included in the approved planning but not yet invested in infrastructure:

Phạm vi và đối tượng áp dụng Scope and subjects of application	Chính sách hỗ trợ Support policies
<ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư đường giao thông dẫn đến chân hàng rào dự án. - Các công trình cấp điện, cấp nước,... các đơn vị chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi đầu tư xây dựng để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. - The provincial budget is used to support investment in roads leading to the fence of the project. - Power and water supply works, etc., specialized units create favorable conditions for construction investment to provide services to investors. 	
<p>Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng: Đối với trường hợp nhà đầu tư tự san lấp mặt bằng sẽ được Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa không quá theo các mức sau:</p> <p>Support for ground leveling costs: In case the investor self-conduct ground leveling, the provincial budget will support 50% of the cost, but not more than the following levels:</p>	<p>Dự án có tổng vốn đầu tư trên 05 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng. Projects with total investment capital of over 05 billion VND to less than 10 billion VND.</p> <p>Hỗ trợ 100 triệu đồng. Support 100 million VND</p>
	<p>Dự án có tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng. Projects with total investment capital of over 10 billion VND to less than 30 billion VND.</p> <p>Hỗ trợ 300 triệu đồng. Support 300 million VND</p>
	<p>Dự án có tổng vốn đầu tư trên 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng. Projects with total investment capital of over 30 billion VND to less than 50 billion VND.</p> <p>Hỗ trợ 500 triệu đồng. Support 500 million VND</p>

<p>Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng: Đối với trường hợp nhà đầu tư tự san lấp mặt bằng sẽ được Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa không quá theo các mức sau: Support for ground leveling costs: In case the investor self-conduct ground leveling, the provincial budget will support 50% of the cost, but not more than the following levels:</p>	<p>Dự án có tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng. Projects with total investment capital of over 50 billion VND to less than 100 billion VND.</p>	<p>Hỗ trợ 01 tỷ đồng. Support 01 billion VND</p>
	<p>Dự án có tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến dưới 200 tỷ đồng. Projects with total investment capital of over 100 billion VND to less than 200 billion VND.</p>	<p>Hỗ trợ 02 tỷ đồng. Support 02 billion VND</p>
	<p>Dự án có tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng. Projects with total investment capital of over 200 billion VND to less than 300 billion VND.</p>	<p>Hỗ trợ 03 tỷ đồng. Support 03 billion VND</p>
	<p>Dự án có tổng vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng. Projects with total investment capital of over 300 billion VND</p>	<p>Hỗ trợ 04 tỷ đồng. Support 04 billion VND</p>



d) Hỗ trợ đầu tư chế biến, bảo quản nông sản, thủy hải sản:

d) Support for investment in processing and preserving agricultural and aquatic products:

Phạm vi và đối tượng áp dụng Scope and subjects of application	Chính sách hỗ trợ Support policies
<p>1. Hỗ trợ máy móc, thiết bị công nghệ - Đầu tư mới máy móc thiết bị công nghệ, kho lạnh cố định, kho lạnh di động (<i>bao gồm xe tải đông lạnh và container lạnh</i>) để chế biến, bảo quản thịt, cá, rau, củ, quả. - Đầu tư mở rộng, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ mới để chế biến thủy hải sản.</p> <p>1. Support for machinery and technological equipment - Invest in new technological equipment, fixed cold storage, mobile cold storage (<i>including refrigerated trucks and refrigerated containers</i>) for processing and preserving meat, fish, vegetables and fruits. - Invest in expansion and application of machinery, equipment and new technologies for seafood processing.</p>	<p>Nhà đầu tư được hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng. Investors are supported with 30% of expenses but not more than 500 million VND.</p>
<p>2. Hỗ trợ lãi suất vốn vay 2. Support for loan interest</p>	<p>Hỗ trợ 40% lãi suất. Support 40% interest rate.</p>
<p>Các khoản vay trong 02 năm đầu nhưng không quá 400 triệu đồng để đầu tư mới máy móc thiết bị công nghệ, kho lạnh cố định, kho lạnh di động (<i>bao gồm xe tải đông lạnh và container lạnh</i>) để chế biến, bảo quản thịt, cá, rau, củ, quả. Loans for the first 2 years, but not exceeding 400 million VND for investment in new technology machinery and equipment, fixed cold storage, mobile cold storage (<i>including refrigerated trucks and refrigerated containers</i>) for processing and preserving meat, fish, vegetables and fruits.</p>	<p>Hỗ trợ 20% lãi suất. Support 20% interest rate.</p>
<p>Các khoản vay trong 02 năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng cho nhà đầu tư mua sắm phương tiện vận tải để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh chế biến, bảo quản nông sản, thủy hải sản. Loans for the first 2 years but not exceeding 200 million VND for investors to purchase means of transport to serve production, business, processing and preserving agricultural and aquatic products.</p>	<p>Hỗ trợ 20% lãi suất. Support 20% interest rate.</p>

Mức hỗ trợ lãi suất được áp dụng bằng mức thấp nhất cho các khoản vay đầu tư cùng thời hạn và cùng thời kỳ của các Ngân hàng Thương mại Việt Nam.
 The interest rate support level is equal to the lowest level for investment loans of the same term and period of commercial banks in Vietnam.



đ) Hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động:

đ) Recruitment and training support:

TT No.	Hình thức hỗ trợ Form of support	Thời gian đào tạo Training period	Mức hỗ trợ (đồng/người) Support level (VND/person)
1	Đối với dự án sử dụng thường xuyên từ 100 đến dưới 5.000 lao động mức hỗ trợ từ 150 - 300 triệu đồng/dự án For projects that regularly employ from 100 to less than 5,000 employees with a support level of 150-300 million VND/project		
1	Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh, tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án Vocational training for local workers at vocational training institutions of the province, the maximum total support funding is not more than 300 million VND/project	Từ 03 tháng trở lên. From 3 months or more.	1.000.000
		Dưới 03 tháng. Less than 3 months	500.000
2	Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc đào tạo tại chỗ, tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/dự án Training at enterprises or on-site training, the maximum total support funding is not more than 150 million VND/project	Từ 03 tháng trở lên. From 3 months or more.	500.000
		Dưới 03 tháng. Less than 3 months	250.000

II	Đối với dự án sử dụng thường xuyên trên 5.000 lao động mức hỗ trợ từ 250 - 500 triệu đồng/dự án For projects that regularly employ more than 5,000 employees with a support level of 250-500 million VND/project		
1	Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh, tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án Vocational training for local workers at vocational training institutions of the province, the maximum total support funding is not more than 500 million VND/project	Từ 03 tháng trở lên. From 3 months or more.	1.000.000
		Dưới 03 tháng. Less than 3 months	500.000
2	Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc đào tạo tại chỗ, tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 250 triệu đồng/dự án Training at enterprises or on-site training, the maximum total support funding is not more than 250 million VND/project	Từ 03 tháng trở lên. From 3 months or more.	500.000
		Dưới 03 tháng. Less than 3 months	250.000



e) Hỗ trợ tư vấn cho tạo lập, đăng ký và bảo hộ tài sản trí tuệ; hỗ trợ áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp; hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng; hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường; hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; hỗ trợ thành lập doanh nghiệp.

e) Support for consultancy on the creation, registration and protection of intellectual property; support for the application of tools to improve product quality and productivity of enterprises; support for the application of the quality management system; support for the relocation of production and business establishments causing environmental pollution; funding support for investment promotion, trade and tourism; and support for enterprise establishment.

g) Hỗ trợ đầu tư xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp: Theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 22/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cơ sở xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 81/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019.

g) Support for investment in socialization of activities in the fields of education and training, vocational training, health, culture, sports, environment, and judicial assessment: According to the provisions of Resolution No. 19/2017/NQ-HĐND dated March 22, 2017 by the Provincial People's Council promulgating preferential mechanisms and policies for socialized establishments operating in the fields of education - training, vocational training, health, culture, sports, environment, and judicial assessment in Tra Vinh province and amendments and supplements in Resolution No. 81/2019/NQ-HĐND dated April 12, 2019.

Ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào (kể cả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) gồm: Đường giao thông, điện trung thế, cấp thoát nước đến hàng rào cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa.
The provincial budget will support 100% of investment funds for the construction of infrastructure outside the fence (including costs of compensation and site clearance), including: roads, medium-voltage electricity, water supply and drainage to the fence basis for implementing socialization projects.

h) Hỗ trợ về giá thuê mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp

h) Support for production premise rent for small and medium-sized enterprises in Industrial Parks and Industrial Clusters

- Hỗ trợ 30% giá thuê mặt bằng sản xuất tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp (không bao gồm phí sử dụng hạ tầng và chi phí liên quan) và không quá 50 triệu đồng cho 01 dự án trong 01 năm, được xác định theo giá thuê mặt bằng của Nhà đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp cho doanh nghiệp thuê. Thời gian hỗ trợ là 05 năm kể từ ngày Nhà đầu tư hạ tầng và doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

- Support 30% of the production premise rent in Industrial Parks, Industrial Clusters (excluding fees for using infrastructure and related costs) and not exceeding 50 million VND for 01 project in 01 year, determined according to the premise rent of the investor in infrastructure of the Industrial Parks or Industrial Clusters for lease to enterprises. The support period is 05 years from the date the infrastructure investor and the enterprise sign the space lease contract.

- Hỗ trợ giá thuê mặt bằng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 67/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 thực hiện thông qua việc bù giá cho các nhà đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ Ngân sách tỉnh.

- Support for the premise rent specified at Point a, Clause 4, Article 1 of Resolution No. 67/2018/NQ-HĐND dated July 11, 2018 through price compensation for investors in infrastructure of the Industrial Parks or Industrial Clusters in the province to reduce the premise rent for small and medium-sized enterprises, the price compensation amount is deducted from the land rent amount or supported from the provincial budget.

- Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

- In case a small and medium-sized enterprise simultaneously meets the conditions of different support levels in the same support content as prescribed by relevant laws, the enterprise may choose the most beneficial support level.

Phạm vi và đối tượng áp dụng Scope and subjects of application	Chính sách hỗ trợ Support policies
Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại nông thôn. Projects on socialization of land use in rural areas.	Miễn tiền thuê đất theo thời hạn thuê nhưng tối đa không quá 50 năm.
Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị thuộc huyện Châu Thành, Trà Cú Projects on socialization of land use in urban areas of Chau Thanh and Tra Cu districts.	Exemption from land rent according to the lease term but not exceeding 50 years.
Dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị thuộc huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải, thành phố Trà Vinh. Projects on socialization of land use in urban areas of Cau Ngang, Tieu Can, Cau Ke, Cang Long, and Duyen Hai districts, Duyen Hai town, Tra Vinh city.	Miễn tiền thuê đất theo thời hạn thuê nhưng tối đa không quá 40 năm. Exemption from land rent according to the lease term but not exceeding 40 years.